

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 6/5/2021

**V/v: “ Xin ly hôn, nuôi con,
yêu cầu cấp dưỡng”.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/Ông Trần Quang Nghiêm

2/Ông Nguyễn Hoàng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long không tham dự phiên tòa.

Ngày 6 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2021/TLST – HNGĐ, ngày 8/01/2021 về việc: “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HN ngày 11/03/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST – HN, ngày 30/03/2021; Thông báo dời phiên tòa số 77/TB – TA ngày 13/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: Số 145/147/2 Lê Văn L, phường T, quận 7, Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Ngọc P, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ 8, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản khai ngày 9/01/2021 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Chị Cao Thị H và anh Trần Ngọc P cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân do mai mối, được sự đồng ý của gia đình hai bên nên tổ chức lễ cưới. Nữ trang ngày cưới bên chồng tặng 3 chỉ vàng 18k, vợ chồng đã bán tiêu xài hết. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Bình Tân, Vĩnh Long và được cấp chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/2010.

Sau khi cưới, vợ chồng về sống ấp T, xã B, huyện B, Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được 4 năm, vợ chồng có 2 con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 7/11/2009 và Trần Bảo T, sinh ngày 22/10/2013. Hiện 2 cháu đang sống chung với chị H.

Về tài sản chung: trong quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chồng không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con, nhiều lần chị H bị anh P đánh đập. Chị H đã nhiều lần khuyên can chồng thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Chị Cao Thị H xin ly hôn anh Trần Ngọc P.

-Về con chung: Trần Huỳnh G, sinh ngày 07/11/2009 và Trần Bảo T, sinh ngày 22/10/2013, chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/02 con/tháng, cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

-Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

*Ngày 11/03/2021 chị Cao Thị H nộp đơn yêu cầu không đồng ý tiếp tục hòa giải và yêu cầu mở phiên tòa xét xử.

* Bị đơn anh Trần Ngọc P vắng mặt.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày: Về thời gian kết hôn, nữa trang, con chung là đúng như đơn khởi kiện.

Về mâu thuẫn gia đình: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Chồng không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con, nhiều lần chị H bị anh P đánh đập. Chị H đã nhiều lần khuyên can chồng thay đổi để vợ chồng hàn gắn tình cảm đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Chị Cao Thị H xin ly hôn anh Trần Ngọc P.

-Về con chung: cháu Trần Huỳnh G, sinh ngày 07/11/2009 và Trần Bảo T, sinh ngày 22/10/2013, chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/02 con/tháng, cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

-Về quan hệ tài sản: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo nội dung đơn khởi kiện, bảng tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có sơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Xin ly hôn, nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long và có mặt tại địa phương do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét Trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ lúc thụ lý đến khi xét xử: Anh Trần Ngọc P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến dự tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử. Do đó căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Ngọc P.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2009, chị Cao Thị H và anh Trần Ngọc P cưới nhau, do quen biết, cha mẹ hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/10/2010, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị Cao Thị H và anh Trần Ngọc P thường xuyên bất đồng quan điểm sống, anh P không quan tâm chăm sóc cho gia đình, vợ con, nhiều lần anh P còn đánh đập chị H dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chị H và anh P đã ly thân từ tháng 10/2019 cho đến nay. Chị H xác định không còn tình cảm gì với anh P. Hiện mỗi người đều có một cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn anh P. Anh P cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến để Hội đồng xét xử xem xét. Xét yêu cầu của chị Cao Thị H là có căn cứ. Áp dụng vào Điều 9, 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị H. Chị Cao Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc P.

[4] Xét về con chung: Chị Cao Thị H và anh Trần Ngọc P chung sống với nhau có sinh được 02 con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 07/11/2009 và Trần Bảo T, sinh ngày 22/10/2013, hiện 2 cháu đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/02 con/tháng, cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Xét thấy chị H đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 2 con chung. Để ổn định môi trường sống, chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của các cháu không bị thay đổi, hơn nữa cháu G và cháu T là con gái, nên cần để chị H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và không trái pháp luật. Xét chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/02 con/tháng, cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với điều kiện thực tế sinh hoạt, ăn, ở, học tập hằng ngày của các cháu, do đó buộc anh Trần Ngọc P cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/02 con/tháng, cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi là phù hợp với mức sinh hoạt thực tế và đúng quy định của pháp luật. Xét anh Trần Ngọc P vắng mặt và không có ý kiến để Hội đồng

xét xử xem xét. Xét yêu cầu của chị H là có cơ sở. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị H. Chị Cao Thị H được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 07/11/2009 và Trần Bảo T, sinh ngày 22/10/2013, đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Buộc anh P cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/02 con/tháng, cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Anh Trần Ngọc P được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Cao Thị H và anh Trần Ngọc P không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chị Cao Thị H nộp 300.000 đồng, chị H được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011796 ngày 8/01/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

[7] Án phí cấp dưỡng: Buộc anh Trần Ngọc P nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị H.

1/Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị H được ly hôn anh Trần Ngọc P.

2/Về con chung: Chị Cao Thị H được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Huỳnh G, sinh ngày 07/11/2009 và Trần Bảo T, sinh ngày 22/10/2013, đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Buộc anh Trần Ngọc P cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/02 con/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Anh Trần Ngọc P được quyền tới lui, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Nhưng anh P không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P

3/Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/Về án phí Hôn nhân sơ thẩm:

- Chị Cao Thị H nộp 300.000 đồng, chị H được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011796 ngày 8/01/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

5/ Án phí cấp dưỡng: Buộc anh Trần Ngọc P nộp 300.000 đồng.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7/Án xử công khai có mặt nguyên đơn chị Cao Thị H biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trần Ngọc P vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Huyện Bình Tân;
- THA huyện Bình Tân;
- UBND xã Tân Bình,
Huyện Bình Tân, Vĩnh Long.
- các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phạm Thành Tự